

I. VAI TRÒ CỦA SỞ HỮU

Danh từ cổ phần hóa (CPH) xuất phát từ chữ "cổ phần" (CP) muốn hàm ý một quá trình chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hiện thời thành một công ty CP-loại hình doanh nghiệp có thể là bao gồm các tư nhân hợp lại, nhưng cũng có thể là sự kết hợp giữa công và tư theo xu hướng tỷ trọng vốn nghiêng về phía tư nhân.

Thực hiện CPH một số doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trước hết và chỉ ít cũng sẽ thu hẹp phạm vi của sở hữu quốc doanh trong các doanh nghiệp (DN) ấy. Từ đó sẽ làm thay đổi tương quan phạm vi, quy mô giữa các loại hình sở hữu khác nhau trong xã hội. Điều đó đụng đến lý luận về vị trí, vai trò của các chế độ và hình thức sở hữu trong nền kinh tế quốc dân (KTQD). Lâu nay trong nhận thức của nhiều người đã khẳng định một ý tưởng là muốn đi tới một xã hội mới, công bằng, dân chủ và tự do, không có áp bức bóc lột thì phải xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất (TLSX). Vì vậy coi việc thiết lập chế độ công hữu (dưới hai hình thức toàn dân và tập thể) về TLSX sau khi giành được độc lập như một mục tiêu phải đạt được. Ở đây dường như có sự nhầm lẫn giữa mục đích và phương tiện.

Thực ra việc thiết lập một loại hình sở hữu này hay loại hình sở hữu khác không bao giờ là mục đích cuối cùng của những hoạt động kinh tế riêng biệt cũng như của toàn bộ nền KTQD. Mục đích cuối cùng và tối cao của hoạt động thực tiễn nói chung và của nền KTQD nói riêng, thể hiện ở mức độ thỏa mãn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của bản thân nền kinh tế đối với mức sống, điều kiện sống của mọi thành viên trong xã



CỔ PHẦN HÓA VÀ QUAN HỆ SỞ HỮU TÀI SẢN

hội. Và chính mục đích đó là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển kinh tế và qui định qui mô, tính chất của những phương tiện để đạt mục đích mà trong đó những hình thức sở hữu đối với TLSX chỉ là một phương tiện.

Vì vậy một hình thức sở hữu về TLSX chỉ được coi là ưu việt khi nó thích ứng với những biến đổi, những đòi hỏi của thực tế khách quan và hơn thế nữa nó là phương tiện hữu hiệu để đạt mục đích cuối cùng của nền sản xuất xã hội.

Phạm vi, mức độ, tính chất của một loại hình sở hữu cũng không phải là bất biến. Sở hữu nhà nước (và cả sở hữu tư nhân) đã tồn tại ở những nền kinh tế khác nhau như kinh tế truyền thống, thị trường thuần túy, tập trung, hỗn hợp với quy mô và sự vận động không giống nhau ở những trình độ phát triển khác nhau của nền kinh tế.

Ở nước ta, theo tính toán phân tích và báo cáo của Bộ Tài chính thì tình trạng "lãi giả lỗ thật" nghiêm trọng, nặng nề và mang tính phổ biến trong

PTS ĐINH SƠN HÙNG

khu vực kinh tế quốc doanh. Nếu tính đủ đầu vào (C1, C2, V) thì các xí nghiệp quốc doanh trong thời kỳ 1986-1989 không những không có lãi, không có tích lũy cho ngân sách nhà nước mà còn thua lỗ nặng nề; 1987 lỗ: 106,28 tỷ đồng, 1988: 492,90 tỷ. Từ năm 1990 lại đây, nhà nước đã xóa bỏ một cách căn bản các chế độ bao cấp cho các xí nghiệp quốc doanh, bên cạnh một số xí nghiệp thích nghi được với cơ chế mới, số đông xí nghiệp, nhất là các xí nghiệp thuộc quận, huyện quản lý vẫn bị thua lỗ không thể tiếp tục hoạt động. Hiện nay số xí nghiệp quốc doanh hoạt động kém hiệu quả chiếm 25% về tài sản cố định. Trong đó số xí nghiệp bị thua lỗ trực thuộc trung ương 5-8%, trực thuộc tỉnh thành phố khoảng 30%, trực thuộc quận, huyện khoảng trên 60%. Theo thống kê, chi phí vật chất để tạo ra 1 đồng GNP của khu vực kinh tế quốc doanh bằng 1,5 - 2 lần so với khu vực ngoài quốc doanh.

Điều đó cho thấy sự yếu kém của nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh khi đặt nó trong môi trường của nền

kinh tế thị trường. CPH một số DNNN do vậy vừa là quá trình tìm ra một chủ cụ thể hữu hiệu và năng động để với khu vực này, vừa tạo khả năng huy động vốn, trí tuệ của dân cư vào kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh vừa phù hợp với bước chuyển sang kinh tế thị trường với sự biến đổi trong cán cân giữa nhà nước và thị trường trong đời sống kinh tế của đất nước.

Đã có một thời ta cho rằng kinh tế quốc doanh phải chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong toàn bộ nền KTQD. Do đó đã tìm cách, mà chỉ yếu bằng mệnh lệnh hành chính để tăng số lượng các đơn vị kinh tế quốc doanh trong mọi lãnh vực, đồng thời hạn chế và giảm mạnh các đơn vị thuộc thành phần kinh tế khác. Cách đây không lâu đã có lúc chúng ta cho rằng, nhà nước phải độc quyền kinh doanh những ngành nghề then chốt của nền KTQD hoặc liên quan đến an ninh, quốc phòng như hàng hải, hàng không... Nhưng thực tế mấy năm qua, bằng việc thí nghiệm thành lập các công ty kinh doanh ngoài quốc doanh ở những khu vực trọng yếu đó, như khai thác khoáng sản, đá quý, vận tải hàng hải, viễn dương, vận chuyển hành khách bằng máy bay, các ngân hàng cổ phần... Ta có thêm những căn cứ cụ thể minh chứng cho ý kiến: không cần khoanh nhiều vùng độc quyền cho DN NN.

Nhưng như vậy cũng không nên coi sở hữu tư nhân là liệu pháp thần kỳ duy nhất cho sự phát triển. Vì trên thực tế, ở nhiều nước sở hữu tư nhân đã tồn tại hàng trăm năm, nhưng thế giới tới nay cũng chỉ mới có một nhóm G7 và đâu có phải nước nào cũng "hóa rồng"

như Cộng hòa Triều Tiên, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông.

Rõ ràng, một hình thức sở hữu này hay sở hữu khác không bao giờ là một quá trình tự thân. Sự tìm tòi để có sự kết hợp tối ưu giữa các loại hình sở hữu khác nhau thích ứng với trình độ phát triển của khoa học, công nghệ, tổ chức và con người để đạt mục đích tối cao, cuối cùng của nền sản xuất một cách có hiệu quả nhất do vậy là sự tìm tòi không ngừng.

II. CPH, CON ĐƯỜNG KHÔNG DỄ DÀNG

Các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô (cũ) thực hiện việc chuyển đổi nền kinh tế chỉ huy sang cơ chế thị trường theo "liệu pháp sốc" với trọng tâm là CPH và tư nhân hóa (TNH) các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh đã gần 3 năm nay, nhưng hầu như không nước nào đạt được kế hoạch đề ra. Điều đó do nhiều nguyên nhân, ví như:

- Việc ghi chép sổ sách kế toán, lập các bảng cân đối tài sản, quyết toán chi phí... của các xí nghiệp quốc doanh trong các nước XHCN cũ làm cho những người muốn "tiếp quản" chúng lúng túng trước các bảng, biểu đó, vì vậy, thiếu thông tin, luận cứ cần thiết để đưa ra quyết định: "tiếp quản" hay là không.

- Tiết kiệm trong dân cư quá thấp, người ta ước tính tỷ số tiết kiệm trong 1 năm của dân cư ở Hungary chỉ đủ mua 1% tài sản doanh nghiệp, ở Liên Xô (cũ) chỉ cỡ 0,5%.

- Thị trường vốn yếu ớt và các công ty đầu tư trung gian thì hoạt động thụ động vì thiếu môi trường kinh doanh vốn.

- Thiếu những đạo luật và chính sách hữu hiệu đồng bộ.

Đối với nước ta, dù có những nét đặc thù, nhưng nhìn chung việc CPH cũng gặp phải những trở ngại như trên. CPH do vậy, là một quá trình khó khăn, lâu dài và phức tạp, cần có sự chuẩn bị kỹ càng, chu đáo.



Đúng như nhà kinh tế học hàng đầu của Hungary, ông Janos Kornai đã nhận xét rất sắc bén rằng: Khu vực tư nhân có thể thủ tiêu bằng một sắc lệnh của nhà nước, nhưng nó không thể phục hồi lại bằng một sắc lệnh.

III. MỘT VÀI ĐỀ NGHỊ

Thực tiễn cho thấy rằng CPH một số DNNN là hướng đi tất yếu trong chương trình tổng thể chuyển sang kinh tế. Để quá trình CPH có thể đạt được kết quả như mong đợi, theo chúng tôi:

1. Không phải là những chuẩn mực đạo đức hay yếu tố tư tưởng quyết định người có vốn quyết định trở thành cổ đông của 1 công ty nào đó mà lợi tức là yếu tố quyết định. Vì vậy CPH chỉ có thể được tiến hành trước hết từ những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, hoặc là có triển vọng.

2. Thông tin chính xác các dữ kiện, tiềm năng của công ty là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư. Sự khác biệt giữa hệ thống kế toán nước ta với hệ thống kế toán thế giới là một trong những trở ngại lớn gây khó khăn cho quá trình CPH các DNNN, nhất là khi có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy cần biên soạn lại các bút toán theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế.

3. Các phương diện về thuế và luật pháp phải khuyến khích CBCNV, nhân dân và nhà đầu tư nước ngoài mua CP, tham gia sở hữu các xí nghiệp được CPH và tạo điều kiện

cho họ duy trì vốn đầu tư cũng như hưởng lợi tức, hỗ trợ cho các cổ đông làm chủ thật sự đối với các công ty CP và theo nguyên tắc người có cổ phiếu không chế là chủ số 1 của công ty.

4. Xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán

♣

Tài liệu tham khảo

M. Usievic, S. Gliskina, "Tư nhân hóa ở Hungary", *Kinh tế*

thế giới, 10.1991 (tiếng Nga)

Hoàng Đức Tảo, "Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra từ việc CPH DNNN", *Thông tin lý luận* 11.1992.

Nguyễn Văn Tiền, "Về giải pháp "CPH" XNQN", *Nghiên cứu kinh tế*, 10.1991

Nguyễn Đình Tài, "CPH và TNH ở các nước Đông Âu, diễn biến, khó khăn và triển vọng", *Nghiên cứu kinh tế*, 8.1992.

Vũ Huy Tử, "Chuyển đổi cơ cấu công nghiệp quốc doanh ở Việt Nam", *Nghiên cứu kinh tế*, 12.1992.

Huỳnh Đào, "Quá trình CPH: một số quan điểm và kinh nghiệm", *Phát triển kinh tế*, 6.1992.

Ghetx Grephey, "Các chương trình CPH công nhân viên Mỹ: các phương diện chính trị, pháp luật và thuế", *Thông tin lý luận*, 4.1993.

THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ TẠI VIỆT NAM

Mới đây, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có Quyết định số 114/QĐ - NH ngày 21.6.1993 chính thức cho thành lập "Thị trường Liên ngân hàng" đây là một dạng thị trường tiền tệ do ngân hàng nhà nước tổ chức có sự tham gia của tất cả các loại ngân hàng trong cả nước.

Thị trường Liên ngân hàng (TTLNH) là mô hình mạng tín dụng cấp thấp của thị trường tiền tệ được hình thành trên bình diện cả nước, nhằm mục đích điều tiết các nguồn vốn lưu chuyển qua ngân hàng từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn theo nhu cầu của thị trường tín dụng có sự điều tiết vĩ mô của ngân hàng nhà nước.

Nội dung cơ bản của TTLNH là những thành viên thiếu vốn để thanh toán bù trừ để mở rộng tín dụng ngắn hạn được các thành viên thừa vốn cho vay theo mức, lãi suất và thời hạn thỏa thuận trước. Theo Quyết định của Thống đốc ngân hàng, thành viên tham gia TTLNH là các ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng đầu tư phát triển, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng trong toàn quốc có tham gia thanh toán bù trừ, có tài khoản tiền gửi, tiền vay tại sở giao dịch ngân hàng nhà nước Trung ương và chấp hành quy định của TTLNH.

Từ khi nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới, hệ thống ngân hàng đã có những thay đổi căn bản về chất, gắn hoạt động ngân hàng với sự vận động hỗn hợp của nền kinh tế, tạo được hiệu quả cao, thể hiện tập trung nhất là việc kim chế lạm phát và ổn định giá trị tiền tệ thông qua việc thực hiện chính sách tiền tệ đúng đắn.

TTLNH là một cơ chế tiền tệ mới, tự giác và đồng bộ trong cả nước - ở đó nhà nước bằng "bàn tay vô hình" của mình, có thể thực hiện nhiệm vụ điều tiết lưu thông tiền tệ.

TTLNH ra đời là một bước phát triển mới trong quá trình hình thành thị trường tiền tệ. TTLNH và thị trường ngoại tệ (các trung tâm giao dịch ngoại tệ hình thành từ năm 1991) cùng với quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và sự ra đời của các công ty cổ phần (kể cả các tổ chức tín dụng khác) sẽ là nền tảng kinh tế cơ bản để có thể hình thành thị trường chứng khoán ở nước ta.

HOÀNG DŨNG